

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường.

Ông Hoàng Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Hữu L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ Đạo, chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số 135/UQ-NHCS ngày 27/12/2022), có mặt.

2, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Khối phố Lương Văn Tri, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thị Kiều Oanh, chức vụ, Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định ủy quyền số 32/QĐ-NHNo.BS ngày 20/02/2023), vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3, Bà Dương Thị N, sinh năm 1959, địa chỉ: Khối phố L, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4, Anh Dương Công Đ, vợ là Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn S1, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

5, Anh Dương Văn S, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đặng Thị S trình bày:

Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L kết hôn vào ngày 11/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Chiêu Vũ, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi về chung sống với nhau hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2022 vợ chồng anh, chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau, chị Đặng Thị S cho rằng anh Dương Hữu L không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh bạc đã hai lần bị Công an bắt phải đi cải tạo và nhiều lần đánh chị Đặng Thị S. Chị Đặng Thị S đã nhẫn nhịn bỏ qua và khuyên bảo nhiều lần nhưng không được; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9 năm 2022, chị Đặng Thị S đã sống ly thân cho đến nay. Chị S xác định tình cảm vợ, chồng không còn, chị Đặng Thị S yêu cầu được ly hôn anh Dương Hữu L.

Về con chung: Có hai người con chung là Dương Hữu Đ, sinh ngày 20/11/2009 và Dương Thị Thu N, sinh ngày 28/12/2019. Khi ly hôn chị Đặng Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Thu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu anh Dương Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Hữu Đ đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị Đặng Thị S khai anh, chị có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng, theo sổ vay vốn số 2200065617 ngày 12/11/2020 và ngày 21/5/2021. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank chi nhánh huyện Bắc Sơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi

phát sinh theo hợp đồng, theo hợp đồng số 8411-LAV-20220 ngày 24/02/2022. Ngoài ra còn nợ bà Dương Thị N tiền cám thức ăn chăn nuôi số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), anh Dương Công Đ vợ là Nguyễn Thị H cám chăn nuôi và tiền phân bón số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), anh Dương Văn S là tiền anh Dương Hữu L vay về để chi tiêu trong cuộc sống gia đình số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tổng cộng số nợ chung của hai anh chị là 198.090.000đ (một trăm chín mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Khi ly hôn chị Đặng Thị S đề nghị chị và anh Dương Hữu L mỗi người phải chịu trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nói trên.

Bị đơn anh Dương Hữu L tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như chị Đặng Thị S trình bày là đúng nhưng anh cho biết trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị vẫn sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến ngày 28/8/2022, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Dương Hữu L phát hiện chị S nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác không cho anh Dương Hữu L biết nên hai anh chị đã phát sinh tranh chấp nhưng sau đó anh Lai đã làm lành và hai người lại sống với nhau bình thường. Sau này chị S nộp đơn lên tòa án, anh Dương Hữu L mới biết chị S muốn ly hôn, anh và hai bên gia đình đã khuyên bảo để chị Săm nghĩ lại quay về với gia đình, cùng nhau nuôi dạy con nhưng không được. Anh Dương Hữu L và chị Đặng Thị S sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay. Anh Lai xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị S.

Về con chung: Có hai người con chung là Dương Hữu Đ, sinh ngày 20/11/2009 và Dương Thị Thu N, sinh ngày 28/12/2019. Khi ly hôn anh Dương Hữu L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Thu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), về cháu Dương Hữu Đ sẽ giải quyết theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu Dương Hữu Đ ở với anh Dương Hữu L thì anh yêu cầu chị Đặng Thị S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, nếu cháu Đạt có nguyện vọng ở với mẹ thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo sổ vay vốn ngày 12/01/2020 và ngày 21/5/2021; nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bắc Sơn 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-2022000339 ký ngày 24/02/2022; nợ bà Dương Thị N 12.000.000đ (mười triệu đồng); nợ anh Dương Công Đ 4.000.000đ (bốn triệu đồng); nợ anh Dương Văn S 10.000.000đ (mười triệu đồng). Nếu phải ly hôn, anh Dương Hữu L sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và trả cho anh Dương Văn S số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), yêu cầu chị S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bắc Sơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), trả cho bà Dương Thị N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), trả anh Dương Công Đ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ Đạo, chức vụ Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa trình bày anh L và chị S có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội:

Món vay 1: Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Lãi suất vay 9%/năm. Thời gian vay 30 tháng, từ 21/5/2021 đến 12/5/2024.

Món vay 2: Chương trình cho vay hộ nước sạch và vệ sinh môi trường số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Lãi suất cho vay 9%/năm. Thời gian vay 60 tháng, từ 12/11/2020 đến 12/11/2025.

Hiện nay chị S và anh L ly hôn Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu chị S và anh L mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số tiền gốc vay và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp tại bản khai trình bày: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có nợ Ngân hàng Nông nghiệp số tiền nợ gốc 100.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng 8411-LAV-2022000339 ký ngày 24/02/2022. Nay chị S và anh L ly hôn Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu chị S và anh L mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ gốc nói trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có lấy cầm chần nuôi với bà với số tiền còn nợ lại là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) đến nay chưa trả hết, khi lấy hàng có ký sổ nhận từng ngày. Nay chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L ly hôn, bà yêu cầu cả hai phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà toàn bộ số nợ trên, mỗi người trả một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn S tại bản tự khai ngày 28/12/2022 trình bày: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có vay với anh số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) từ năm 2019 đến nay chưa trả, nay hai anh chị ly hôn, anh yêu cầu chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có trách nhiệm thanh toán trả cho anh số nợ trên, mỗi người trả một nửa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H tại bản tự khai ngày 28/12/2022 chị Nguyễn Thị H là vợ anh Dương Công Đ trình bày: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có vay vợ chồng chị số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2022 đến nay chưa trả. Chị yêu cầu chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L đều có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số nợ trên, mỗi người trả một nửa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L không thống nhất được với nhau về các nội dung trong vụ án nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Tại hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng và đúng theo quy định và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng về phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Đặng Thị S được ly hôn với anh Dương Hữu L. Về con chung: Có hai người con chung là Dương Hữu Đ, sinh ngày 20/11/2009 và Dương Thị Thu N, sinh ngày 28/12/2019. Khi ly hôn chị Đặng Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Thu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Dương Hữu L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Hữu Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng, theo sổ vay vốn số 2200065617 ngày 12/11/2020 và ngày 21/5/2021. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank chi nhánh huyện Bắc Sơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng, theo hợp đồng số 8411-LAV-20220 ngày 24/02/2022. Ngoài ra còn nợ bà Dương Thị N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), anh Dương Văn S số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tổng cộng số nợ chung của hai anh chị là 198.090.000đ (một trăm chín mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Khi ly hôn chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L mỗi người phải chịu trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định

của pháp luật. Bị đơn anh Dương Hữu L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Công Đ, anh Dương Văn S vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ ba không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Hữu L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Công Đ, anh Dương Văn S theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11/02/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương Hữu L không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, sau khi hòa giải không thành anh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để giải quyết nhưng anh L vẫn không đến Tòa án để giải quyết chứng tỏ anh L cũng không còn tha thiết muốn đoàn tụ với chị S nữa. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đặng Thị S yêu cầu ly hôn với anh Dương Hữu L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, của chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Thị Thu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), về cháu Dương Hữu Đ thì yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Tại bản tự khai ngày 08/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cháu Dương Hữu Đ có nguyện vọng ở với bố để tiện cho công việc học tập, vì hiện nay cháu đang ở với bố là anh Dương Hữu L. Hội đồng xét xử thấy rằng việc cháu Dương Hữu Đ ở với bố là phù hợp và đúng nguyện vọng. Hội Đồng xét xử giao cháu Dương Thị Thu N, sinh ngày 28/12/2019 cho chị Đặng Thị S, giao cháu Dương Hữu Đ cho anh Dương Hữu L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank chi nhánh huyện Bắc Sơn số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Nợ bà Dương Thị N số tiền mua cám 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền mua cám và phân bón 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), anh Dương Văn S số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tổng cộng số nợ chung của hai anh chị là 198.090.000đ (một trăm chín mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn

đồng). Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2023 anh L nhận trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 70.000.000 đồng; trả anh Dương Văn S số tiền 12.000.000đ, yêu cầu chị S trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank chi nhánh huyện Bắc Sơn số tiền 100.000.000đ, bà Dương Thị N số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị S yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại bản khai cũng yêu cầu chị S và anh L mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ. Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ số nợ của chị S và anh L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và đều chi phí cho sinh hoạt chung của gia đình nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị S và anh L mỗi người phải có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Đặng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 27, 37, 57, 60, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị S. Chị Đặng Thị S được ly hôn với anh Dương Hữu L.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Thu N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2019 cho chị Đặng Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Dương Hữu Đ, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2009 cho anh Dương Hữu L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị S và anh Dương Hữu L mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ, cụ thể:

Chị Đặng Thị S có trách nhiệm trả nợ: Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng, theo sổ vay vốn số 2200065617 ngày 12/11/2020 và ngày 21/5/2021; trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank, Chi nhánh huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền vay nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-20220 ngày 24/02/2022; trả cho bà Dương Thị N số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng); trả cho anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền 2.045.000 (hai triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng); trả cho anh Dương Văn S số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Anh Dương Hữu L có trách nhiệm trả nợ: Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (ba mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng, theo sổ vay vốn số 2200065617 ngày 12/11/2020 và ngày 21/5/2021; trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank, Chi nhánh huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn số tiền vay nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-20220 ngày 24/02/2022; trả cho bà Dương Thị N số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng); trả cho anh Dương Công Đ vợ là chị Nguyễn Thị H số tiền 2.045.000 (hai triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng); trả cho anh Dương Văn S số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2021/0002818 ngày 25/10/2022.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Bắc Sơn;
- UBND xã C, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức